

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HS - ST

Ngày: 24 - 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng

2. Ông Phạm Văn Ngải

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2022/TLST- HS, ngày 02 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2022/QĐXXST – HS, ngày 09 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Quăng Trọng D, sinh ngày 01/01/1978 (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 27, đường Bạch Đ, khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quăng Trọng H, sinh năm 1959 (đã chết) và bà Lê Thị Hồng Th, sinh năm 1959 (đã chết); Anh chị em ruột: 01 người sinh năm 1980; vợ Kim Thị Tuyết N (không sống chung); Con có 01 người sinh năm 2011.

Tiền sự: Không (nhưng vào ngày 20/4/2020 bị Công an huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh xử phạt 1.500.000đồng về hành vi trộm cắp tài sản).

Tiền án: Không (Nhưng tại Bản án số 19 ngày 29/5/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Trà Vinh xử phạt 18 tháng tù về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Bản án số 06 ngày 06/01/2009 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Trà Vinh xử phạt 03 năm tù về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Bản án số 38 ngày 21/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Cầu N, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt và nộp án phí hình sự xong, bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo Quăng Trọng D bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam ngày 26/5/2022 cho đến nay.

Người bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp Phú H2, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)
2. Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1996. Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn xin vắng)
3. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp Phú T, xã Thanh M, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn xin vắng)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tô Công T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Số 114 Nguyễn Thị Minh K, khóm 8, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)
2. Ông Huỳnh Tấn P, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Số 266, khóm 5, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt, có đơn xin vắng)

Vật chứng đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 29 tháng 4 năm 2022 do không có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân bị cáo Quảng Trọng D một mình điều khiển xe đạp đi từ nhà đến ngã tư giao nhau thuộc ấp Phú H2, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh, nhìn thấy chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1-540.58 của ông Nguyễn Văn B đang dựng trên lộ nhựa bên trái hướng đi, trên xe có gắn sẵn chìa khóa. Bị cáo D đạp xe đi qua khỏi xe mô tô một đoạn và quay xe đi ngược lại qua khỏi vị trí xe dựng, bị cáo D bỏ xe đạp nằm cặp lề lộ nhựa. Bị cáo D đi bộ đến vị trí xe mô tô dùng tay mở khoá, đề máy xe mô tô và điều khiển đi đến cầu kênh Cụt thuộc phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bán cho một người đàn ông không rõ tên và địa chỉ (khoảng 40 tuổi) với giá 2.750.000đồng. Bị cáo D dùng số tiền mua lại của người đàn ông này 01 bịch ma túy có giá 1.250.000đồng để sử dụng, số tiền còn lại bị cáo D tiêu xài hết.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long, bị cáo Quảng Trọng D thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp xe mô tô của ông Nguyễn Văn B.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Yêu cầu định giá tài sản. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 16/KL-ĐGTS, ngày 05/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh xác định tại thời điểm bị chiếm đoạt xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1-54058, nhãn hiệu Honda, loại Future, màu sơn nâu vàng đồng, số khung 7633KY002707, số máy JC6E1003974 có giá là: 24.000.000đồng.

Quá trình điều tra khai thác mở rộng bị cáo Quảng Trọng D còn khai nhận đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện C và huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 02/5/2022, bị cáo D thuê người đàn ông khoảng 40 tuổi (không biết họ tên và địa chỉ) làm nghề chạy xe ôm tại khu vực phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh chở bị cáo D đến khu vực cầu kênh

Cụt phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long để mua ma túy của một người đàn ông khoảng 40 tuổi (không biết họ tên và địa chỉ) để sử dụng. Tại đây bị cáo D thuê một người đàn ông khác khoảng 50 tuổi (không biết họ tên và địa chỉ) chở về cầu Cổ Chiên thuộc ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Khi đến bị cáo D xuống xe đi bộ một mình đến gần khu vực nhà thờ Bãi Xan thì nhìn thấy xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1-144.33 của ông Nguyễn Hữu Th (ông Thịnh là con ruột của ông Nguyễn Hữu Ph) dựng trước sân nhà của ông Nguyễn Hữu Ph tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh có gắn sẵn chìa khóa. Bị cáo D đi đến chỗ dựng xe, quay đầu xe mô tô ra lộ và để máy xe điều khiển xe về cất giấu tại nhà mình.

Qua ngày 03/5/2022, bị cáo D thấy yên xe mô tô biển số 84L1-144.33 bị rách nên đã mượn của Huỳnh Tấn P 40.000đồng để lợp lại yên xe và sau đó mượn giấy căn cước công dân của Huỳnh Tấn P đem đến tiệm cầm đồ Hồng Ánh 6 thuộc khóm 8, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh để cầm cho Tô Công T số tiền 10.000.000đồng. Tiền cầm xe bị cáo D đưa cho Huỳnh Tấn P 200.000đồng (trả tiền mượn 40.000đồng và cho Huỳnh Tấn P 160.000đồng). Số tiền còn lại 9.800.000đồng bị cáo D mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Ngày 05/5/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Yêu cầu định giá tài sản. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 15/KL-ĐGTS, ngày 05/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện C xác định tại thời điểm bị chiếm đoạt xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1-144.33, nhãn hiệu Honda, loại Future F1, màu sơn đen-xám-vàng, số khung RLHJ5317CY045326, số máy JC54E010483 có giá là: 16.000.000đồng.

- Vụ thứ hai: Vào ngày 26/5/2022, bị cáo D đi bộ một mình theo các tuyến đường đal trên địa bàn huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh tìm xe mô tô lấy trộm bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Bị cáo D đi bộ trên đường đal thuộc ấp Phú T, xã T, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh nhìn thấy chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 62M1 – 189.54 của bà Phạm Thị V dựng trong mái che cặp hong nhà (có cổng rào nhưng không khóa). Bị cáo D dùng tay đẩy cổng rào đi đến xe mô tô mang biển kiểm soát 62M1-189.54 có gắn sẵn chìa khóa trên xe và nổ máy xe điều khiển đi theo đường đal tẩu thoát.

Ngày 03/6/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh ra Yêu cầu định giá tài sản. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-ĐGTS, ngày 06/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Châu T xác định tại thời điểm bị chiếm đoạt xe mô tô mang biển kiểm soát 62M1-189.54, nhãn hiệu Vemvipi, màu sơn đen-xám, số máy 52FMH-018554, số khung 2UM7XC-18554 có giá là: 2.333.000đồng.

Ngày 10/5/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh trả lại cho ông Nguyễn Hữu Th xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1-144.33, nhãn hiệu Honda, loại Future F1, màu sơn đen-xám-vàng, số khung RLHJ5317CY045326, số máy JC54E010483 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 011258, tên chủ sở hữu: Nguyễn Hữu Ph, địa chỉ ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 16/6/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh trả lại cho bà Phạm Thị Vxe mô tô mang biển kiểm soát 62M1-189.54, nhãn hiệu Vemvipi, màu sơn đen-xám, số máy 52FMH-018554, số khung 2UM7XC-18554.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã lập biên bản truy tìm 01 nón bảo hiểm màu xanh-đen. Qua kết quả truy tìm không tìm được.

Tại bản Cáo trạng số: 47/CT - VKSCL, ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Quảng Trọng D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Quảng Trọng D thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, cụ thể hành vi phạm tội của bị cáo: Vào ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại đường nhựa liên ấp, thuộc ấp Phú H2, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo D đã lén lúc lấy trộm tài sản của ông Nguyễn Văn B là một xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1-540.58, qua kết quả định giá tài sản có giá trị là 24.000.000đồng (Hai mươi bốn triệu đồng). Ngoài ra, qua xác minh điều tra thì vào ngày 02 tháng 5 năm 2022 tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo D đã lén lúc lấy trộm của ông Nguyễn Hữu Th là một xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1-144.33, qua kết quả định giá tài sản là 16.000.000đồng (Mười sáu triệu đồng); Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại ấp P, xã T, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh bị cáo D cũng lén lúc lấy trộm tài sản của bà Phạm Thị V là một xe mô tô mang biển kiểm soát 62M1-189.54 qua kết quả định giá tài sản là 2.333.000đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng). Vậy tổng giá trị tài sản bị cáo D chiếm đoạt 03 lần là 42.333.000đồng (Bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn B yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô biển kiểm soát 84L1-540.58 theo kết quả định giá tài sản là 24.000.000đồng. Ông Tô Công T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) là tiền mà bị cáo D đã cầm xe trộm được cho ông T. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của ông B và ông T.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Quảng Trọng D mức án tù 02 (hai) năm đến 02 (hai) 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam 26 tháng 5 năm 2022.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Quảng Trọng D có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn B giá trị xe mô tô đã bị mất mang biển kiểm soát 84L1-540.58 theo kết quả định giá tài sản là 24.000.000đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) và bồi thường cho ông Tô Công T số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) là tiền mà bị cáo D đã cầm xe trộm được cho ông Tài.

+ Đối với bị hại ông Nguyễn Hữu Th và bà Phạm Thị V đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu bị cáo bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về vật chứng*: Cơ quan điều tra thu giữ gồm 01 xe đạp đã qua sử dụng, phần sườn xe sơn màu trắng, trên sườn xe có dòng chữ Martin và 01 bình nylon trong suốt, bên trong có một ly nhựa có nắp trong suốt, bên trong ly nhựa có ống hút nhựa màu xanh lá cây sọc trắng của bị cáo D. Vị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm*: Buộc bị cáo có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Quảng Trọng D xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo Quảng Trọng D, bị hại ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Công T không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với các bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-ĐGTS, ngày 05/5/2022 và số 16/KL-ĐGTS, ngày 05/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện C; số 19/KL-ĐGTS, ngày 06/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Châu T; Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường của Công an huyện C và Công an huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Quảng Trọng D thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng với các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long quyết định truy tố bị cáo Quảng Trọng D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với qui định của pháp luật, đúng người đúng tội, không oan, không sai

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; bởi vì tài sản hợp pháp của công dân bao gồm: Các giấy tờ có giá, tiền bạc, phương tiện đi lại như xe ô tô, xe mô tô... là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Trong vụ án này bị cáo Quăng Trọng D là người có đầy đủ năng lực nhận thức hành vi của mình, có sức khỏe có thể tự lao động chân chính để nuôi sống bản thân và gia đình nhưng bị cáo không làm những việc chân chính, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà không cần bỏ công sức lao động chỉ vì muốn có tiền mua ma túy sử dụng mà bị cáo bắt chắt, lợi dụng sự quản lý sơ hở tài sản của các bị hại nên bị cáo đã lấy trộm tài sản của người khác. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo D 03 lần trộm được là 42.333.000đồng.

Mặc khác, trong vụ án này bị cáo D có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên (trong vụ án này bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản). Bị cáo có nhân thân xấu cụ thể: Vào ngày 20/4/2020 bị Công an huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh xử phạt 1.500.000đồng về hành vi trộm cắp tài sản; tại Bản án số 19 ngày 29/5/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Trà Vinh xử phạt 18 tháng tù về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Tại Bản án số 06 ngày 06/01/2009 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Trà Vinh xử phạt 03 năm tù về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Bản án số 38 ngày 21/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Cầu N, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm hại đến tài sản của các bị hại mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng trật tự an toàn xã hội tại địa phương, từ đó cho thấy bị cáo có thái độ xem thường pháp luật.

[4]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật.

Nhằm góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật để có mức hình phạt nhất định, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo khai ra hành vi trộm cắp mà chưa ai phát hiện. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

Do đó ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử xem xét.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Quăng Trọng D có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn B giá trị xe mô tô biển kiểm soát 84L1-540.58 theo kết quả định giá tài sản là 24.000.000đồng.

- Buộc bị cáo Quảng Trọng D có nghĩa vụ bồi thường cho ông Tô Công T số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) là tiền mà bị cáo D đã cầm xe trộm được cho ông T.

- Đối với bị hại ông Nguyễn Hữu Th và bà Phạm Thị V đã nhận lại tài sản bị mất trộm không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thu giữ:

- 01 xe đạp đã qua sử dụng, phần sườn xe sơn màu trắng, trên sườn xe có dòng chữ Martin của bị cáo, là công cụ phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu vào ngân sách Nhà nước.

- 01 bịch nilon trong suốt, bên trong có một ly nhựa có nắp trong suốt, bên trong ly nhựa có ống hút nhựa màu xanh lá cây sọc trắng của bị cáo D, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với ông người đàn ông mua xe mô tô biển số 84L1 – 540.58 và bán ma túy cho bị cáo D, không biết họ tên, khoảng 40 tuổi, có địa chỉ tại khu vực cầu kênh Cụt thuộc phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với ông Tô Công T là người cầm xe mô tô biển số 84L1 – 144.33 cho bị cáo Dũng số tiền 10.000.000đồng. Ông Tô Công T không biết xe mô tô biển số 84L1 – 144.33 do bị cáo D phạm tội mà có. Ông Tô Công T tự nguyện giao nộp xe mô tô biển số 84L1 – 144.33 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C. Hành vi của ông Tô Công T không vi phạm pháp luật nên không xử lý.

Đối với người đàn ông chạy xe ôm khoảng 40 tuổi không biết họ tên, tại khu vực Sân Bay củ phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Cơ quan điều tra Công an huyện C không làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với ông Huỳnh Tấn P là người cho bị cáo D mượn số tiền 40.000đồng nộp yên xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1 – 144.33 và thẻ căn cước công dân để bị cáo D cầm xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1 – 144.33 cho ông Tô Công T. Số tiền cầm xe được 10.000.000đồng, bị cáo Quảng Trọng D đưa cho ông Huỳnh Tấn P 200.000đồng (bị cáo D trả cho ông Huỳnh Tấn P 40.000đồng tiền mượn nộp yên xe, số tiền 160.000đồng bị cáo D cho ông Huỳnh Tấn P). Giữa ông Huỳnh Tấn P với bị cáo D không thỏa thuận với nhau về hưởng lợi ích trong việc mượn thẻ căn cước công dân của ông Huỳnh Tấn P đem xe mô tô 84L1 -144.33 cầm cho ông Tô Công T. Do đó Cơ quan điều tra Công an huyện C không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Huỳnh Tấn P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Quảng Trọng D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
- Căn cứ Điều 268 và Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Quảng Trọng D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26 tháng 5 năm 2022.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 588, 589 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Buộc bị cáo Quảng Trọng D có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn B giá trị xe mô tô biển kiểm soát 84L1-540.58 là 24.000.000đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

- Buộc bị cáo Quảng Trọng D có nghĩa vụ bồi thường cho ông Tô Công T số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) là tiền mà bị cáo D đã cầm xe trộm được cho ông T.

- Đối với bị hại ông Nguyễn Hữu Th và bà Phạm Thị V đã nhận lại tài sản bị mất trộm không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bịch nilon trong suốt, bên trong có một ly nhựa có nắp trong suốt, bên trong ly nhựa có ống hút nhựa màu xanh lá cây sọc trắng của bị cáo D.

+ Tịch thu vào ngân sách Nhà nước: 01 xe đạp đã qua sử dụng, phần sườn xe sơn màu trắng, trên sườn xe có dòng chữ Martin của bị cáo.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 2 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Buộc bị cáo Quảng Trọng D có nghĩa vụ nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và nộp 1.700.000đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện C;
- Công an huyện C;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh